

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY

BÁO CÁO
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
NĂM 2023

Năm 2023

Giao Thủy, ngày 8 tháng 5 năm 2024

Số: /BC-TNXT

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY**

CHỦ SỞ HỮU: UBND TỈNH NAM ĐỊNH

Kỳ báo cáo: Năm 2023

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CÔNG TY

1.1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty

a) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2023 là: 867.691 triệu đồng (trong đó: vốn góp của chủ sở hữu: 867.041 triệu đồng; Quỹ Đầu tư phát triển: 303 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 347 triệu đồng).

- Tổng tài sản đến 31/12/2023: 871.374 triệu đồng,

- Lợi nhuận sau thuế: 179 triệu đồng đạt 103,8% so với kế hoạch;

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là: (ROE) là: 0,02 %, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,02 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,02%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,02 đồng lợi nhuận sau thuế.

b) Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước:

- Tình hình đầu tư dự án:

- Năm 2023 công ty làm chủ đầu tư 2 dự án:

+ Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà và Xuân Thủy- hạng mục hệ thống thủy lợi Xuân Thủy với tổng mức đầu tư là 138.638 triệu đồng, thời gian thực hiện từ năm 2023 – 2026. Khối lượng thực hiện năm 2023 của dự án là: 40.644 triệu đồng, Số tiền đã giải ngân năm 2023 là 40 tỷ đồng.

+ Dự án nạo vét, kè gia cố mái kênh CH3 đã được UBND tỉnh Nam Định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật với tổng mức đầu tư 14.998 triệu đồng, thời gian thực hiện 2023-2025.

- Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không

- Tình hình huy động và sử dụng vốn: không

- Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ theo quy định của pháp luật:

Tài sản cố định đến ngày 31/12/2023: 858.624 triệu đồng tăng so với năm 2022 là: 5.113 triệu đồng cụ thể như sau:

Nguyên giá tài sản cố định tăng gồm: Công ty nhận bàn giao công trình nhà quản lý hệ thống nuôi trồng thủy sản huyện Giao Thủy: 5.290 triệu đồng; Bộ bàn ghế tiếp khách là 54 triệu đồng.

Nguyên giá tài sản cố định giảm là Nhà quản lý công Tàu: 93 triệu đồng

Khấu hao TSCĐ trong năm: 138 triệu đồng (Trong đó: khấu hao trích trong năm là 198 triệu đồng và giảm 61 triệu đồng nhà Quản lý công Tàu do phá dỡ giải phóng mặt bằng để làm đường)

+ Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: Công ty đã xây dựng quy chế theo Quyết định số 85B ngày 01/12/2021 về quản lý công nợ.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo là: Tổng số nợ phải thu đến kỳ báo cáo là 1.773 triệu đồng, giảm so với năm 2022 là 10.674 triệu đồng.

Nợ phải thu của công ty bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 1.269 triệu đồng; Phải thu ngắn hạn khác: 503 triệu đồng; Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: - 49 triệu đồng. Trong đó: khoản nợ phải thu khó đòi là 49 triệu đồng là của Công ty TNHH MTV Điện Quang – Điện tử. Công ty là đơn vị thi công làm B cải tạo nhà xưởng, nhà máy Z199.

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải trả 3.683 triệu đồng; giảm so với năm 2022 là 3.373 triệu đồng. Công ty không có nợ phải trả quá hạn. Nợ phải trả của công ty bao gồm: Phải trả cho người bán ngắn hạn: 2.216 triệu đồng, thuế và các khoản phải trả Nhà nước 45 triệu đồng, phải trả người lao động 337 triệu đồng, phải trả ngắn hạn khác 1.001 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi: 83 triệu đồng.

Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 3,29 lần, hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của công ty là rất tốt đảm bảo an toàn về tài chính.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,0042 lần cho thấy khoản nợ rất nhỏ so với vốn chủ sở hữu.

c) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính:

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy có hoạt động sản xuất chính đặc thù trong lĩnh vực thủy nông, sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu của công ty là diện tích tưới, tiêu mà công ty phục vụ cho địa bàn mình quản lý. Hoạt động sản xuất phụ là nhận thầu thi công xây lắp, tư vấn thiết kế các công trình xây dựng cơ bản.

- Diện tích tưới, tiêu công ty thực hiện năm 2023 là: 42.565,94 ha bằng 100% so với kế hoạch năm 2023 và bằng 100,97 % so với năm 2022; bằng 95,66 so với năm 2021.

- Về doanh thu thực hiện năm 2023 là: 49.800 triệu đồng, đạt 102,33% so với kế hoạch năm, giảm so với năm 2022 là 4.757,39 triệu đồng tương ứng giảm 8,72%, giảm so với năm 2021 là: 2.153,61 triệu đồng tương ứng giảm 4,15%.

- Hiệu quả hoạt động:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là: (ROE) là: 0,02 %, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,02 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,02%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,02 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Tình hình thực hiện sản phẩm công ích:

+ Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích diện tích tưới tiêu (ha) thực hiện trong năm 2023 là: 42.565,94 ha, bằng 100% so với kế hoạch năm 2023, không có ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ không đạt yêu cầu.

+ Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm 2023 là: 48.429 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch năm và năm 2022.

+ Về doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm 2023 là: 48.429 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch năm và năm 2022.

- Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo:

Doanh nghiệp luôn có khả năng cân đối dòng tiền doanh nghiệp tạo ra với nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và có khả năng thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp. Điều này thể hiện ở hệ số thanh toán nợ đến hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 3,29 lần; năm 2022 hệ số là 2,17 lần. Như vậy hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của công ty là rất tốt, duy trì ổn định trong những năm tới.

d) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

+ Số phải nộp năm trước chuyển sang: -245 triệu đồng.

+ Số phải nộp phát sinh trong năm: 122 triệu đồng.

+ Số đã nộp trong năm: 85 triệu đồng.

+ Số phải nộp chuyển năm sau: - 208 triệu đồng.

- Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng quy định.

+ Năm 2023 quỹ khen thưởng tăng 5,68 triệu đồng trong đó UBND tỉnh tặng bằng khen và chuyển tiền vào quỹ khen thưởng của công ty là 2,98 triệu đồng, UBND huyện tặng giấy khen cho tập thể, cá nhân và chuyển tiền vào quỹ khen thưởng của công ty là 2,7 triệu đồng.

+ Trong năm công ty sử dụng quỹ khen thưởng để khen thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy chế bình xét thi đua năm 2023 của công ty với số tiền là 151,912 triệu đồng.

đ) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật:

Trong năm vừa qua, công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Công ty đã thực hiện chấp hành đúng chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện kiến nghị của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

e) Giải trình của công ty đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

- Báo cáo số 23/2024AEA/BCTC ngày 26 tháng 2 năm 2024 của Công ty TNHH kiểm toán Đông Á về kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

+ Ý kiến ngoại trừ về việc công ty chưa thay đổi vốn điều lệ trên giấy phép kinh doanh. Công ty xin giải trình như sau:

Công ty đã trình thay đổi vốn điều lệ đến thời điểm năm 2025 từ tháng 9/2023.

+ Ý kiến ngoại trừ về tài sản cố định được xây dựng bằng bê tông và bằng đất:

Công ty xin giải trình như sau:

Diện tích mà công ty quản lý trải dài trên hai huyện Xuân Trường và Giao Thủy là rất rộng. Vì vậy số công trình được xây dựng bằng bê tông và bằng đất trên toàn hệ thống mà công ty quản lý, khai thác từ trước đến nay là rất nhiều và hàng năm đều có sự biến động tăng giảm do được đầu tư mới theo kế hoạch, hoặc do có các dự án đi qua hoặc do công trình xuống cấp và không còn công năng sử dụng ... Trong đó có nhiều công trình không có hồ sơ. Vì vậy để ghi tăng, giảm các tài sản cố định được xây dựng bằng bê tông và bằng đất là rất khó, chưa thực hiện được do thiếu các hồ sơ liên quan.

- Thực hiện kiến nghị tại biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2022 ngày 7/12/2022 của liên đoàn kiểm tra Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp. Công ty đã nghiêm túc thực hiện các kiến nghị tại biên bản và khắc phục những tồn tại như rà soát lại và hoàn thiện hồ sơ của các công trình, yêu cầu Hợp tác xã xuất hóa đơn cho chi phí giải tỏa bèo rác...

1.2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của công ty

Năm 2023 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty còn có những khó khăn chủ yếu do nguyên nhân khách quan: Giá cả yếu tố đầu vào tăng theo cơ chế thị trường, thời tiết diễn biến bất thường, dịch bệnh diễn ra liên tiếp ... Nhưng công ty vẫn đảm bảo phục vụ tưới, tiêu tốt cho diện tích 42.565,94 ha. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích là: 48.429 triệu đồng. Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 3,29 lần đảm bảo an toàn về tài chính. Công ty đóng đầy đủ bảo hiểm cho người lao động, chấp hành đầy đủ pháp luật và các quy định của nhà nước.

2. KẾT LUẬN CỦA CÔNG TY

- Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty được duy trì ổn định, đảm bảo công tác an sinh xã hội, việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

- Các chỉ tiêu tài chính của công ty tốt, công ty đảm bảo an toàn về tài chính.

- Công ty đã chấp hành đầy đủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính ☒ - Mất an toàn về tài chính ☐

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Nam Định;
- Sở Tài chính;
- Lưu TC - KH

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU



**CHỦ TỊCH
ĐẶNG MẠNH DƯƠNG**

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
CITY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY

Biểu số 02.A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2023
(Theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư (Triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2023 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/2023 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động	%		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2023	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
A	Các dự án nhóm A																	
B	Các dự án nhóm B																	
I	Sửa chữa, nê HTTL Bắc Nam Hà - Xuân Thủy (hạng mục HTTL Xuân Thủy)	Số 4498/QĐ-BNN-TCTL ngày 18/11/2022	138.638					2023-2026					40.664	40.664		40.000	40.000	
C	Các dự án khác																	
I	Nạo vét hệ gia cố mái kênh CH3	1064/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	14.998					2023-2025										
Tổng cộng																		

NGƯỜI LẬP
Nguyễn Thị Phương



06/01/2024 ngày 05 tháng 5 năm 2024

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Năm 2021	Năm 2022	Kế hoạch năm 2023
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[2]	[7]=[5]/[3]	[8]=[5]/[4]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha)	44.499,12	42.155,63	42.565,94	42.565,94	95,66	100,97	100,00
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.585	54.244	48.429	49.112	95,21	90,54	101,41
2. Giá vốn hàng bán	47.446	50.322	44.429	45.939	96,82	91,29	103,40
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.139	3.922	4.000	3.172	76,64	80,88	79,31
4. Doanh thu hoạt động tài chính	202	272	215	456	225,78	167,87	211,83
5. Chi phí tài chính							
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.273	4.004	4.000	3.587	83,95	89,59	89,68
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	68	190	215	41	60,87	21,80	19,22
9. Thu nhập khác	166	42	20	232		558,54	1.159,25
10. Chi phí khác	34	22	20	49		226,50	249,49
11. Lợi nhuận khác	132	20	0	182		926,14	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	200	210	216	224	111,92	106,81	103,87
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	42	43	45	159,75	106,47	103,78
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	172	168	172	179	104,13	106,89	103,89

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Phương

Giao Thủ ngày 8 tháng 5 năm 2025



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm. (Ha)	42.565,94	42.565,94	100,00	100,97
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	Không	Không		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	Không	Không		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (tr đồng)	48.429	48.429	100,00	100,00
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (tr đồng)	48.429	48.429	100,00	100,00

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Phương

Giao Thủ, ngày 8 tháng 5 năm 2024



A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chi tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ năm sau
1. Thuế	(244,48)	121,67	84,79	(207,61)
- Thuế GTGT	(269,94)	18,54	1,22	(252,62)
- Thuế TNDN	16,05	44,73	16,07	44,72
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất	-	42,43	42,43	-
- Các khoản thuế khác	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	3,00	3,00	-
- Thuế TNCN	9,40	12,97	22,08	0,29
2. Các khoản phải nộp khác	-	0,02	0,02	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	0,02	0,02	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				
Tổng cộng	(244,48)	121,69	84,82	(207,61)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2023

DVT: triệu đồng

Chi tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	302,99			302,99
2. Quỹ Khen thưởng	176,05	5,68	151,91	29,82
3. Quỹ phúc lợi	53,40	0,00	0,00	53,40
3. Quỹ thưởng VCQLDN				
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Phương



UBND TỈNH NAM ĐỊNH
CÔNG TY TNHH MTV KICCTL XUÂN THỦY

DANH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2023

Biểu 05A

Chỉ tiêu 1(tr.đồng)			Chỉ tiêu 2								Chỉ tiêu 3					Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất L/N/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành	Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích		
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)						
48.664	49.800	A	172	179	862.054	864.699	0,0200	0,0207	A	12.112	3.683	3,29	-	A	Xếp loại A	Xếp loại A	A	

Giao Thủ ngày 8 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Phương

